

Bản án số: 09/2025/HSST

Ngày 10 - 02 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Đoàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hoàng

Ông Nguyễn Xuân Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phú Thanh Thiện, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hoài - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2025/TLST-HS, ngày 9 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lại Văn T, sinh ngày 12/02/2002. Nơi cư trú: Ấp A, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Lại Thị T2; Bị cáo chưa có vợ. Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Đ từ ngày 30/4/2024 cho đến nay

2. Họ và tên: Lê Văn N, sinh ngày 12/8/2004. Nơi cư trú: Ấp A, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Lê Văn C, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1978; Bị cáo chưa có vợ. Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Đ từ ngày 01/5/2024 đến nay

3. Họ và tên: Trần Quốc C1, sinh ngày 23/8/2006. Nơi cư trú: Ấp D, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Trần Văn V, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1986; Bị cáo chưa có vợ. Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/10/2024 đến nay.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 30/4/2024 bị cáo Trần Quốc C1 rủ bị cáo Lại Văn T và Lê Văn N sử dụng ma túy thì các bị cáo đồng ý. Sau đó, bị cáo N gọi facebook cho một người phụ nữ tên L để đặt mua 200.000 đồng ma túy, đặt xong. N điều khiển xe chở C1 về nhà N lấy bình hút gồm vỏ chai nước ngọt và phễu thủy tinh. Bị cáo C1 và N điều khiển xe đi đến nhà T rồi cả 03 cùng ra khu vực bờ đê biển Gành Hào. Trống đi gặp người tên L để lấy ma túy. Khi có ma túy thì các bị cáo điều khiển xe đến khu vực gần ngọn Hải Đăng bờ đê biển G, lấy bình hút và ma túy ra cùng sử dụng. C1 đổ ma túy vào bình hút, dùng bật lửa hơi nóng rồi C1, T, N thay phiên nhau hút được khoảng 3-5 lần thì T kêu N đi về nhà lấy đồ nhậu. Ngàn vừa đi một lúc thì Công an bắt quả tang T và C1 về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng tang vật. Đến 01 giờ 30 phút ngày 01/5/2024 Ngàn đến Công an thị trấn G đầu thú.

Tại bản kết luận giám định số 40/KL-KTHS ngày 11/5/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh B xác định:

Bên trong đoạn ống thủy tinh một đầu công dạng hình cầu có tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine. Các hạt tinh thể bên trong gói nylon là chất ma túy, loại Methamphetamine, không xác định được khối lượng do chất ma túy dính bên trong rất ít. Trong quá trình điều tra các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Cáo Trạng số 04/CT-VKS-HS ngày 8/01/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải truy tố các bị cáo về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm b, c, khoản 2, Điều 255 BLHS xử phạt bị cáo T từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm 6 tháng; bị cáo N từ 7 năm đến 8 năm; áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 255 xử phạt bị cáo C1 từ 5 năm đến 6 năm tù.

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy các dụng cụ các bị cáo dùng để sử dụng ma túy. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Oppo.

- Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với lời khai khác của chính các bị cáo trong giai đoạn điều tra, đồng thời phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định vào khoảng 21 giờ, ngày 30/4/2024, tại bờ đê biển G, gần ngọn H thuộc ấp A, thị trấn G, huyện Đ. Bị cáo Lại Văn T có hành vi cung cấp ma túy, bị cáo Trần Quốc C1 và Lê Văn N cung cấp công cụ và cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Bị cáo T cung cấp chất ma túy, còn bị cáo C1, N cung cấp dụng cụ để tổ chức sử dụng ma túy trái phép đối với 02 người trở lên. Xét hành vi của các bị cáo T, bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Bị cáo C1 khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 255 BLHS. Vì vậy, việc truy tố và xét xử các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích và cũng để răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo N được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự do có ông N1 được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước đồng thời khi các bị cáo khác bị tạm giữ thì bị cáo đã ra đầu thú. Bị cáo C1 khi phạm tội mới 17 tuổi, 8 tháng 7 ngày nên được áp dụng Điều 91 BLHS. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Do đó, xét xử bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: Một chai nhựa trên nắp chai có khoét 02 lỗ, 01 cái phễu thủy tinh, 03 bật lửa, 01 gói nylon trong suốt được hàn kín hai đầu, bên trong có nhiều hạt tin thể màu trắng nghi là ma túy, 02 đoạn ống hút bằng nhựa, 01 cây kéo. Tịch thu sung quỹ một điện 01 điện thoại Oppo dùng để gọi facebook mua ma túy.

[6] Đối với người phụ nữ bán ma túy tên L do chưa rõ nhân thân nên không làm việc được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiếp tục điều tra xử lý sau.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vĩ các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lại Văn T, Lê Văn N, Trần Quốc C1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

1.1. Căn cứ điểm c, b khoản 2 Điều 255; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lại Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 30/4/2024.

1.2. Căn cứ điểm c, b khoản 2 Điều 255; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 07 (bảy) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 01/05/2024.

1.3 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc C1 05 (năm) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chai nhựa trên nắp chai có khoét 02 lỗ, 03 (ba) bật lửa, 02 (hai) đoạn ống hút bằng nhựa, 01 (một) cây kéo, 01 (một) gói giấy niêm phong loại giấy A4 và được dán kín, bên ngoài có ghi: “40/GĐMT-2024”, bên ngoài có 04 (bốn) hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, chữ ký ghi tên của cán bộ niêm phong Nguyễn Quốc K1 thuộc Phòng K2 Công an tỉnh B. Bên trong chứa: Mẫu vật gửi trưng cầu còn lại sau giám định và các vỏ nylon, vỏ bao gói.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Oppo màu vàng đã qua sử dụng, có nhiều vết trầy, mặt kính cường lực.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/02/2025.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lại Văn T, Lê Văn N, Trần Quốc C1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đông Hải;
- CQCSĐTCA huyện Đông Hải;
- CCTHADS huyện Đông Hải;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thạch Đoàn